

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 680/2023/HC-PT

Ngày 15 tháng 8 năm 2023.

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực bồi thường đất đai”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 285/2023/TLPT-HC ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2052/2023/QĐPT-HC ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Đậu Thị H, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ D, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Hoàng Đức T, sinh năm 1975; Địa chỉ: số A H, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện L.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Văn H1 - Chủ tịch (vắng mặt).

Địa chỉ: số A Quốc lộ E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Kim P – Phó Chủ tịch UBND huyện L (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện L và Chủ tịch UBND huyện L:

+ Ông Mạch Văn L – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L (có mặt);

+ Ông Nguyễn Thành V – Chủ tịch UBND thị trấn L (có đơn xin vắng mặt);

+ Ông Trang Tử Tự T1 – Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện L (có mặt).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2 - Chủ tịch (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: A P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Phan Văn M - Phó Giám đốc Sở T4 (có đơn xin vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Thành N - Chuyên viên C1 (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành V - Chủ tịch (có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C - Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị - Môi trường (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1979 (chồng bà H) (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ D, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Hoàng Đức T, sinh năm 1975; Địa chỉ: A H, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Ông Nguyễn Công T3, sinh năm 1953 (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ D, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Người kháng cáo:** Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

1. Người khởi kiện, bà Đậu Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung:

Tại đơn khởi kiện ngày 05-10-2022, bà Đậu Thị H khởi kiện UBND huyện L, Chủ tịch UBND huyện L và Chủ tịch UBND tỉnh B: Quyết định hành chính số 3976/QĐ-UBND ngày 03-12-2020 của UBND huyện L về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông Nguyễn Văn H2 và bà Đậu Thị H do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình đường Q, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 09-4-2021 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H2 và bà Đậu Thị H về việc yêu cầu bồi thường 34m² đất ở, nhà và vật kiến trúc trên đất và Quyết định số 4346/QĐ-UBND ngày 26-11-2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết khiếu nại lần 2; Yêu cầu UBND huyện L bồi thường diện tích đất của bà Đậu Thị H bị thu hồi: 34m² theo giá thị trường.

Lý do khởi kiện: Diện tích nhà đất gia đình bà H đang sử dụng có diện tích khoảng 180m² chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và 01 phòng trọ. Diện tích bị thu hồi là 34m² (phần làm phòng trọ) để làm đường quy hoạch số 14. (BL22-23).

Nguồn gốc đất là: ông Nguyễn Xuân M1 khai phá từ năm 1982 nhưng không có giấy tờ khai phá. Khu đất này thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 165. Năm 1988 ông M1 (hiện nay không rõ địa chỉ) sang nhượng cho bố mẹ bà là ông Nguyễn Công T3 và bà Nguyễn Thị K bằng giấy viết tay, Năm 1998 ông Nguyễn Công T3 và bà Nguyễn Thị Kim t cho lại cho bà H Cuối năm 1998 gia đình bà H xây nhà cấp 4 và một phòng trọ trên đất diện tích thước 4m x 5 m. Sau khi đăng ký thường trú, năm 2006 gia đình bà H được cấp hộ khẩu. Năm 2005, UBND thị trấn L phát phiếu đăng ký, kê khai sử dụng. Năm 2006 gia đình bà kê khai diện tích sử dụng là 241,8m² thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 165. Bà H hàng năm vẫn nộp thuế đất từ năm 2012.

Ngày 03-12-2020 UBND huyện L ban hành quyết định 3966 và 3976 thu hồi diện tích 34 m² đất của gia đình bà nhưng không bồi thường vì cho rằng đất gia đình bà đang sử dụng là đất Nhà nước.

Do vậy, bà H đề nghị Tòa án hủy bỏ các quyết định hành chính nêu trên và buộc UBND huyện L bồi thường cho gia đình bà theo giá thị trường.

2. Người bị kiện, UBND huyện L có văn bản trình bày:

Tại văn bản số 13849/UBND-TNMT ngày 19-12-2022 của UBND huyện L có ý kiến (BL93-96):

Nguồn gốc diện tích đất thu hồi 34m² gia đình bà H đang quản lý sử dụng nằm trong tổng diện tích thu hồi làm đường 14 là 33.506m² đất thuộc một phần thửa đất số 51, tờ bản đồ số 165 do UBND thị trấn L quản lý trong hồ sơ địa chính ký duyệt ngày 07-6-1997 có nguồn gốc là đất Nhà nước. Năm 1997 ông Nguyễn Xuân M1 tự ý vào chiếm đất UBND thị trấn quản lý cất nhà tạm để ở. Năm 1998, ông M1 sang nhượng lại nhà đất cho ông Nguyễn Công T3 và bà Nguyễn Thị K

sử dụng. Đến năm 2005, ông T3, bà Kim c tách thửa đất lại cho các con một phần nhà đất cho ông Nguyễn Văn H2 và bà Đậu Thị H.

Về vấn đề kê khai đất của ông H2, bà H: Căn cứ khoản 7 Điều 20 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ thì việc đăng ký kê khai vẫn được thực hiện đối với hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất.

Cơ sở pháp lý đất nhà nước: Tại hồ sơ địa chính năm 1997 thì UBND thị trấn L là người có tên trong sổ địa chính và quản lý đất đai thửa đất số 63. Tại các quyết định: Quyết định số 2758 ngày 20-11-1996 của UBND tỉnh đã quy hoạch đây là đất du lịch. Quyết định số 4492 ngày 11-12-2007 của UBND tỉnh đã quy hoạch đây là đất giao thông.

Ngày 03/12/2020, UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 3966/QĐ-UBND thu hồi 34m² đất UBND thị trấn L quản lý (ông Nguyễn Văn H2, bà Đậu Thị H đang sử dụng) và Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 03-12-2020 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Nguyễn Văn H2 và Đậu Thị H do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Đường Q thị trấn L. Diện tích 34m² đất thu hồi tương ứng một phần thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38 ký duyệt năm 1997, diện tích 33.506m² đất chuyên dùng khác do UBND thị trấn L quản lý trong hồ sơ địa chính ký duyệt ngày 07/6/1997 nên không bồi thường cho ông (bà) Nguyễn Văn H2 và Đậu Thị H.

Vì vậy, việc ông Nguyễn Văn H2 và bà Đậu Thị H yêu cầu Tòa án tuyên hủy quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà): Nguyễn Văn H2 và Đậu Thị H do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công Đường quy hoạch số A, thị trấn L, huyện L là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu: Tuyên hủy quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông H2, bà H.

UBND huyện L đã tổ chức thực hiện giải quyết khiếu nại theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011.

Do đó, việc bà Đậu Thị H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 09-4-2021 của Chủ tịch UBND huyện L là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu buộc UBND huyện L xem xét bồi thường diện tích đất 34 m² đất của ông Nguyễn Văn H2 và Đậu Thị H: Ủy ban nhân dân huyện L không đồng ý vì là đất công. Ông H2, bà H lấn chiếm đất nên không được bồi thường theo quy định pháp luật.

*** Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh: (Vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến)**

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND thị trấn L:

Tại văn bản số 1786/UBND-VP ngày 13/12/2022 UBND thị trấn L có ý kiến (BL98): Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 165, diện tích 241 m² do ông Nguyễn Văn H2 đăng ký tên trong hồ sơ địa chính năm 2006 là đất Nhà nước do UBND thị trấn L quản lý. Năm 1997 ông Nguyễn Xuân M1 tự ý vào chiếm đất của UBND thị trấn quản lý cất nhà để tạm ở, do đó không có sử dụng thửa đất riêng và không có tên đăng ký trong hồ sơ địa chính năm 1997. Năm 1998 ông M1 sang nhượng lại nhà và đất cho ông T3 và bà K sử dụng đến khoảng năm 2005 thì chia tách một phần đất và căn nhà tạm cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H2 và bà Đậu Thị H sử dụng đến nay.

3.2. Ông Nguyễn Văn H2:

Ông H2 nhất trí ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà H.

3.3 Ông Nguyễn Công T3 và bà Nguyễn Thị K:

Ông T3 và bà K nhất trí ý kiến bà H.

Tại phiên tòa;

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; phía người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị H;

Hủy các Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện L, Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của Chủ tịch UBND huyện L và Quyết định số 4346/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Buộc UBND huyện L bồi thường về đất, bồi thường về nhà và vật kiến trúc khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định Ủy ban nhân dân huyện L có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không đối thoại với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội

dụng vụ án; Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh B có đơn xin xét xử vắng mặt và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.1] Ngày 03/12/202 UBND huyện L ban hành quyết định số 3976/QĐ-UBND. Bà H không đồng ý với quyết định này nên đã khiếu nại. Ngày 09/4/2021 Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1529/QĐ-UBND. Không đồng ý với giải quyết khiếu nại lần đầu, ông H2, bà H tiếp tục khiếu nại lên UBND tỉnh. Ngày 26/11/2021 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4346/QĐ-UBND. Ngày 05-10-2022, bà H khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nêu trên. Sau khi xét xử sơ thẩm chỉ có U Điền kháng cáo bản án, chủ tịch UBND tỉnh bà R không kháng cáo.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của UBND huyện L xét thấy;

Nguồn gốc đất: UBND thị trấn L và UBND huyện L cho rằng nguồn gốc đất là đất do UBND thị trấn L kê khai năm 1997 tại sổ mục kê 1997. Tuy nhiên, tại văn bản số 880/UBND thị trấn L ngày 08-8-2022 Ủy ban nhân dân thị trấn L thừa nhận không quản lý đất trên thực tế mà chỉ đăng ký đất trên sổ sách. Mặt khác, UBND thị trấn L sổ thừa là thửa 63, tờ bản đồ số 38 đã được ký duyệt tại sổ mục kê năm 1997 nhưng năm 2006 UBND thị trấn L lại tự ý tách thành rất nhiều thửa nhỏ, phát phiếu đăng ký và cho các hộ dân đăng ký, có hộ dân còn đăng ký đất ở, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Văn H2 và bà Đậu Thị H được đăng ký 241,8m² đất ở và còn được thể hiện trong bản đồ địa chính được ký duyệt ngày 24-8-2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B thửa 49, tờ bản đồ 165. Trên thực tế thì các hộ dân sinh sống, xây dựng nhà trên tổng diện tích 33.506m² đất chưa có bất kỳ quyết định nào xử phạt vì lấn chiếm đất công.

Tại Quyết định số 3693/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 của UBND tỉnh B về việc giao các khu đất công trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho các đơn vị địa phương quản lý không có diện tích 33.506 m² do UBND thị trấn L được giao quản lý. Vậy nếu là đất công khi rà soát toàn tỉnh UBND huyện L phải báo cáo UBND tỉnh B đưa vào quỹ đất công.

Như vậy, chưa đủ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn để UBND huyện L và UBND thị trấn L khẳng định diện tích đất bị thu hồi là đất công.

Tại phiên tòa, bà H khai: Năm 1998 ông T3, bà Kim t cho bà H, ông H2 đã có nhà tạm. Hiện nay, ông T3 có mặt tại phiên tòa khai ông T3, bà K nhận sang

nhượng đất bằng giấy tay của ông Nguyễn Xuân M1 năm 1988. Năm 1993 ông T3 khai có đóng thuế đất ở. Năm 2006, gia đình bà H làm nhà cấp 4, mái tôn phía sau đối với phần đất không bị thu hồi. Bà H khai đã đóng thuế đất ở và có tên trong sổ địa chính và bản đồ địa chính của UBND thị trấn L.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện L xác nhận nội dung đất bằng sử dụng theo quyết định số 571 ngày 20-01-2003 là đất chưa giao tổ chức cá nhân nào sử dụng.

Tại phiên tòa, đại diện UBND thị trấn L cũng xác định diện tích đất 33.506m² không nằm trong danh sách quỹ đất công.

Như vậy, có căn cứ để cho rằng các hộ dân liên tục sử dụng đất từ trước năm 2003.

[2.2] Xét yêu cầu bồi thường đất:

Ông Nguyễn Văn H2 và bà Đậu Thị H sử dụng liên tục trên đất có nguồn gốc khai phá từ trước 01-7-2004 nên thuộc trường hợp được xem xét bồi thường đất.

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, hộ ông H2, bà H đủ điều kiện để cấp giấy CNQSD đất nên được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị H về hủy Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện L, Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của Chủ tịch UBND huyện L và Quyết định số 4346/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B; buộc UBND huyện L bồi thường về đất, bồi thường về nhà và vật kiến trúc theo quy định pháp luật khi nhà nước thu hồi đất là có căn cứ.

Ủy ban nhân dân huyện L kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án do vậy đơn kháng cáo không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu .

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị H;

Hủy các Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện L, Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của Chủ tịch UBND huyện L và Quyết định số 4346/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Buộc UBND huyện L bồi thường về đất, bồi thường về nhà và vật kiến trúc khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Số tiền 300.000 nộp theo Biên lai nộp tạm ứng án phí số 0000795 ngày 17/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (1)
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (1)
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (3)
- NCQLNVLQ; (5)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- NTTAM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành